TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 24/7/2024
"V/v: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đ Nhân và bà Lê Thu Thuý

- Th¬¬ư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên toà: Ông Trần Mạnh Tiến - kiểm sát viên

Ngày 24/7/2024, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/9/2023 về việc " *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đ¬ưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. NgU đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1990. Nơi thường trú: Tổ 5, khu T 10, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ở: Tổ 3, khu T 8, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh Đ,** sinh năm 1987. Nơi thường trú: Tổ 5, khu T 10, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên toà, ngU đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/12/2018, tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện H (Nay là phường H), thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép; trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do từ khi chị sinh

Chỉnh sửa bằng WPS Office

con thứ nhất anh Đ đã biểu hiện là người không quan tâm đến vợ con, không chia sẻ với chị về việc chăm sóc nuôi dưỡng con cái. Anh chị sống cùng bố mẹ chồng nhưng chị không nhận được sự thông cảm của nhà chồng. Ngoài ra, anh Đ nhiều lần đánh đập chị, có lần chị phải đi bệnh viện điều trị vết thương. Chị đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 3/2023 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

Về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn giữa anh và chị N anh xác nhận như chị N đã trình bày là đúng. Về quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do chị N cư xử hỗ láo với chồng và gia đình nhà chồng; hay nói trống không, ngang bướng, cãi lại chồng và bố mẹ chồng. Anh chị có cãi vã là do chị N hỗn láo, anh không đánh đập chị N như chị N trình bày. Từ tháng 3/2023, chị N đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ sống. Anh xác định không còn tinh cảm với chị N nữa, chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị N.

***Về con chung:**

Chị N và anh Đ trình bày: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/11/2019 và Nguyễn Giáng U, sinh ngày 13/8/2021.

Quan điểm của chị N: Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung vì anh Đ từ trước đến nay là người không quan tâm đến các con. Tư cách đạo Đ của anh Đ không tốt nếu nuôi con sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển tính cách của con. Cháu Nguyễn Minh Đ bị khuyết tật trí tuệ, từ năm cháu được 02 tuổi cho đến nay phải thường xU điều trị tại bệnh viện. Những lần điều trị chỉ mình chị chăm sóc con, anh Đ không hề chăm sóc con. Chị đề nghị được nuôi cả 02 con, vì cháu Đ bị bệnh tự kỷ, chậm nói; nếu ở cùng cháu U thì anh em sẽ nói chuyện, chia sẻ tình cảm nhiều hơn, tốt cho việc điều trị bệnh của cháu Đ.

Quan điểm của anh Đ: Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Đ và chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Giáng U. Cháu Nguyễn Minh Đ và cháu Nguyễn Giáng U phát triển bình thường. Kinh tế gia đình anh đầy đủ; bố mẹ anh đã nghỉ hưu có thời gian rảnh để chăm sóc con anh. Công việc anh làm nghề viễn thông, bố mẹ anh sẽ hỗ trợ anh chăm con để anh yên tâm đi làm.

* Về cấp dưỡng nuôi con:

Quan điểm của chị N: Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung. Chị cho rằng chi phí đóng học, mua sữa, thức ăn và bệnh tật cho mỗi con ít nhất là 6.000.000 đồng/tháng. Chị làm nghề giáo viên cấp II, thu nhập của chị lương là gần 6.000.000 đồng/tháng, cả làm thêm là khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Quan điểm của anh Đ: Nếu mỗi người nuôi một con thì anh chị

Chỉnh sửa bằng WPS Office

không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nếu chị N được giao nuôi cảo 02 con thì anh chỉ cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung. Anh cho rằng anh cấp dưỡng số tiền nêu trên là đảm bảo để nuôi dưỡng tốt cho các con. Thu nhập của anh có tháng cao là 30.000.000 đồng/tháng; trung bình là 16.000.000 đồng/tháng.

*** Về tài sản chung**: Chị N và anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung; không vay nợ của cá nhân, tổ chức nào và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh:

Xác minh tại tổ 5, khu T 10, phường H, thành phố Hạ Long là nơi anh chị chung sống, đại diện khu 10 cung cấp thông tin: Chị N và anh Đ quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021; anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhiều lần. Anh Đ đánh đập chị N dẫn đến tổ dân khu phố và Công an phường đến hoà giải. Chị N cũng có mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Chị N đã đưa 02 người con về nhà bố mẹ đẻ sống. Anh chị có 02 người con chung gồm 01 con trai và 01 con gái, cháu trai bị hạn chế về nhận thức. Thời gian anh chị còn sống chung với bố mẹ của anh Đ, việc đưa đón con cái đi học chủ yếu do chị N và bố mẹ anh Đ đưa đón. Anh Đ hầu như không đưa đón con.

Xác minh tại Trường Mầm non thị trấn T và Trường Mầm non Hà Khẩu, giáo viên chủ nhiệm lớp 3 tuổi A1 và lớp 4 tuổi A4 cho biết: Cháu Nguyễn Minh Đ học Trường Mầm non thị trấn T năm học 2022-2023, thuộc lớp 3 tuổi. Cháu Đ có sức khoẻ không tốt so với các bạn cùng tuổi, bị hạn chế nhận thức, cháu vừa học ở trường vừa kết hợp điều trị bệnh tại Bệnh viện. Khi học ở trường Mầm non thị trấn T, ông bà nội là người thường xU đưa đón cháu đi học, thỉnh thoảng mẹ cháu đưa đón, anh Đ chưa khi nào đưa đón cháu. Cháu Đ học tại trường Mầm non Hà Khẩu từ tháng 9/2023, lớp 4 tuổi. Quá trình học thỉnh thoảng cháu vẫn phải đi chữa bệnh tại Bệnh viện vì cháu bị khuyết tật trí tuệ. Hàng ngày mẹ cháu là người đưa đón cháu đến lớp, mẹ cháu cũng là người đóng tiền học phí cho cháu; chỉ có 01 lần bố cháu cùng bà nội đến gặp cô Hiệu trưởng trình bày nuốn đón cháu Đ về chăm sóc nhưng do không được sự đồng ý của mẹ cháu nên nhà trường không đồng ý; ngoài ra anh Đ không đến trường thăm cháu lần nào khác. Qua quan sát, từ khi học tại trường cháu Đ đã tiến bộ hơn về thể chất và trí tuệ, cháu chịu khó giao tiếp với các bạn hơn, nói nhiều hơn, trong học tập cháu cũng nhận thức tốt hơn. Cháu Nguyễn Giáng U học tại Trường Mầm non Hà Khẩu, thuộc lớp nhà trẻ A1, cháu có sức khoẻ, trí tuệ bình thường. Chị N là người đóng tiền học và đưa đón cháu đi học hàng ngày.

Xác minh đối với ông Nguyễn Văn Nam và bà Nguyễn Thị Sáu (là bố mẹ ruột của anh Đ), ông bà cung cấp thông tin: Sau khi chị N và anh Đ kết hôn thì về chung sống cùng ông bà. Quá trình chung sống chị N có mâu thuẫn với ông bà và mâu thuẫn với anh Đ, vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát. NgU nhân do chị N đối xử không tốt với gia đình chồng, sống không hoà

Chỉnh sửa bằng WPS Office

hợp với gia đình chồng. Chị đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 3/2023.

Xác minh đối với ông Phạm Văn An và bà Phạm Thị Tuyết (là bố mẹ ruột của chị N), ông bà cung cấp thông tin: Sau khi chị N và anh Đ kết hôn ông bà được biết anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, anh Đ đã nhiều lần đánh đập chị N tại nhà ông bà. Từ tháng 3/2023 chị N đưa 02 con về sống cùng ông bà. Anh Đ không qua lại thăm vợ con, không có trách nhiệm với con. Cháu Đ bị hạn chế nhận thức, chậm nói, thường xU phải đi chữa trị tại Bệnh viện nhưng anh Đ không quan tâm. Gần đây cháu Đ có sự tiến bộ, nói được nhiều hơn, chịu khó giao tiếp với mọi người hơn.

Các tài liệu chị N giao nộp gồm: Giấy ra viện; Giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; bảng kê chi phí điều trị nội trú; bản tóm tắt hồ sơ bệnh án; hoá đơn bán hàng của Bệnh viện sản nhi Quảng Ninh, Bệnh viện đa khoa Hạ Long, thể hện: Cháu Nguyễn Minh Đ bị chẩn đoán bệnh rối loạn giao tiếp xã hội, Tự kỷ (F84,0) và điều trị từng đợt, liên tục từ năm 2019 đến năm 2024.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: NgU đơn, bị đơn đã thực hiện đảm bảo quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn. Về con chung: Đề nghị giao 02 người con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị Hội đồng xét xử tU anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Minh Đ có địa chỉ thường trú tại thành phố Hạ Long, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ngU đơn chị Phạm Thị N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh Đ đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018; đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình vợ chồng chung sống sau khi kết hôn xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, xô sát. Chị N đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 6/2023 đến nay. Mâu thuẫn

Chỉnh sửa bằng WPS Office

của anh chị được chính anh chị và bố mẹ hai bên xác nhận. Chị N xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa nên xin ly hôn. Anh Đ cũng có quan điểm không còn tình cảm với chị N nữa và đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung. Anh chị đã thống nhất được chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Giáng U sau khi ly hôn, chưa thống nhất được ai trực tiếp nuôi cháu Đ. Xét thấy, cháu Nguyễn Giáng U, sinh ngày 13/8/2021 còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên cần giao cháu U cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển của cháu, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/11/2019, xét thấy, cháu Đ có sức khoẻ không tốt, bị khuyết tật trí tuệ từ nhỏ. Hiện nay cháu Đ đang do chị N chăm sóc. Qua lời khai của anh Đ thể hiện anh Đ không nắm rõ tình hình sức khoẻ của cháu. Qua xác minh nhận thấy anh Đ không giành nhiều sự quan tâm, chăm sóc đối với cháu Đ trong việc học tập cũng như chữa bệnh kể cả thời gian anh chị còn chung sống và khi anh chị không sống cùng nhau. Từ khi chị N đưa 02 con về sống cùng bố mẹ ruột của chị N, cháu Đ có biểu hiện phát triển tốt hơn. Chị N hiện nay có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định, chị đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con để các con sống cùng nhau, cháu Đ có điều kiện gần gũi em gái sẽ cải thiện được tình trạng bệnh tật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc giao con chung Nguyễn Minh Đ Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo cho sự ổn định của các con chung của anh chị.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh Đ chưa thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung là đảm bảo cho việc ăn uống, học tập, sinh hoạt của các con. Cháu Nguyễn Minh Đ cần phải chữa trị bệnh lâu dài nên cần thêm chi phí thì mới đảm bảo cho việc chữa bệnh. Mức thu nhập của anh Đ trung bình 16.000.000 đồng/tháng cũng đảm bảo để lo cuộc sống của anh Đ và cấp dưỡng cho 02 người con. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị N về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng đối với mỗi người con.

[2.4] Về tài sản chung: chị N và anh Đ đều có quan điểm vợ chồng không có tài sản chung; không vay nợ của cá nhân, tổ chức nào và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngU đơn chị Phạm Thị N.

[3] Về án phí: Do yêu cầu xin ly hôn của chị N được chấp nhận nên

Chỉnh sửa bằng WPS Office

chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án của Uỷ ban thường vụ quốc hội;

TU xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N về việc: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung.

1.1 Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

1.2 Về con chung: Giao 02 người con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 27/11/2019 và Nguyễn Giáng U, sinh ngày 13/8/2021 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị N số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng đối với mỗi người con chung, kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Minh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002263 ngày 15/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Minh Đ được

Chỉnh sửa bằng WPS Office

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hạ Long;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Chi cục thi hành án DS TP Hạ Long;
-Các đương sự;
- UBND phường H, TP Hạ Long;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Giang Thanh

Chỉnh sửa bằng WPS Office